

**CÔNG TY CỔ PHẦN KBG VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KBG VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KBG VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107117787

**3. Ngày thành lập:** 17/11/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 3 - D1 - TT4, Khu đô thị Bắc Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: [info@kbg.com.vn](mailto:info@kbg.com.vn)

Website: [www.kbg.com.vn](http://www.kbg.com.vn)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                            | 1811        |
| 2.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                         | 1812        |
| 3.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại<br>- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)<br>- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép                               | 4669(Chính) |
| 4.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                | 4690        |
| 5.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                           | 4741        |
| 6.  | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                        | 4742        |
| 7.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                             | 4752        |
| 8.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 9.  | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập Internet                                                                                                                                                                                  | 6190        |
| 10. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                            | 6201        |
| 11. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                              | 6202        |
| 12. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm                                                                                                                 | 6209        |
| 13. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                       | 3312        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3313 |
| 15. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3314 |
| 16. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3315 |
| 17. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3320 |
| 18. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3700 |
| 19. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3811 |
| 20. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3821 |
| 21. | Tái chế phế liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3830 |
| 22. | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác<br>Chi tiết:<br>- Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hoá học hoặc sinh học;<br>- Khử độc các nhà máy công nghiệp hoặc các khu công nghiệp, gồm cả nhà máy và khu hạt nhân;<br>- Khử độc và làm sạch nước bề mặt tại các nơi bị ô nhiễm do tai nạn, ví dụ như thông qua việc thu gom chất gây ô nhiễm hoặc thông qua sử dụng các chất hoá học; | 3900 |
| 23. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Thang máy, cầu thang tự động,<br>- Các loại cửa tự động,<br>- Hệ thống âm thanh,<br>- Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4329 |
| 24. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý,                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4610 |
| 25. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4651 |
| 26. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4652 |
| 27. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện ); Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; Bán buôn máy móc, thiết bị sử dụng cho sản xuất công nghiệp; Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường                                                                                                                                      | 4659 |
| 28. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8230 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                             | 8299 |
| 30. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 9511 |
| 31. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 9512 |

|     |                                              |      |
|-----|----------------------------------------------|------|
| 32. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng | 9521 |
| 33. | Quảng cáo                                    | 7310 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ  
**Mệnh giá cổ phần:** 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                       | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN ĐÌNH UYÊN    | Tập thể Công ty CP Xây dựng số 4, Tân Xuân, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 10        | 013088957                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                                            | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 10        |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN ĐĂNG TÂM     | Thôn Ngô Xá, Xã Phật Tích, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                                          | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 10        | 125159305                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                                            | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 10        |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN TIỀN PHÚC    | Số 40, tổ 45B, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 10        | 013263163                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                                            | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 10        |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | NGUYỄN THỊ HẰNG     | Thôn 3, Xã Đông Cứu, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                                               | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 10        | 125407423                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                                            | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 10        |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 5   | NGUYỄN THỊ HỒNG     | Tập thể TTXVN, Phường Đồng Mác, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                              | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 10        | 010124796                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                                            | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 10        |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 6   | ĐỒNG THỊ KHÁNH DUNG | Thôn 2, Xã Cao Xá, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam                                                 | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 10        | 121452621                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                                            | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 10        |                                                                                             |         |
|     |                     |                                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                                             |                   |         |               |    |           |  |
|---|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------|---------------|----|-----------|--|
| 7 | TRIỆU VIẾT TÚ    | Nhà số 2, ngõ 100, Khu phố Thượng, Phường Đình Bảng, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 100.000 | 1.000.000.000 | 10 | 125409600 |  |
|   |                  |                                                                                             | Tổng số           | 100.000 | 1.000.000.000 | 10 |           |  |
|   |                  |                                                                                             |                   |         |               |    |           |  |
| 8 | CHU NGỌC ANH     | Thôn 2, Xã Việt Đoàn, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                                | Cổ phần phổ thông | 200.000 | 2.000.000.000 | 20 | 125206826 |  |
|   |                  |                                                                                             | Tổng số           | 200.000 | 2.000.000.000 | 20 |           |  |
|   |                  |                                                                                             |                   |         |               |    |           |  |
| 9 | NGHIÊM THỊ LƯƠNG | Thôn Nghiêm Xá, Thị trấn Chờ, Huyện Yên Phong, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                      | Cổ phần phổ thông | 100.000 | 1.000.000.000 | 10 | 125127753 |  |
|   |                  |                                                                                             | Tổng số           | 100.000 | 1.000.000.000 | 10 |           |  |
|   |                  |                                                                                             |                   |         |               |    |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH UYÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Ngày sinh: 15/06/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013088957

Ngày cấp: 26/08/2008

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Tập thể Công ty CP Xây dựng số 4, Tân Xuân, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Tập thể Công ty CP Xây dựng số 4, Tân Xuân, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội